TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2017/ HN-ST
Ngày: 01-9-2017
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**
2. Ông **TRẦN THANH TÙNG**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **TRẦN MỸ T**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **VÕ MINH N**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị T có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Mỹ T trình bày: Do quen biết và được cha mẹ hai bên đồng ý chị và anh N tiến đến hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ vào ngày 13/5/2013. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 21/5/2012 hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi, không cần cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Võ Minh N dù đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Võ Minh N dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh N tiến đến hôn nhân năm 2011, đến năm 2013 mới tiến hành đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị có tìm hiểu nhau trước tuy nhiên sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân với nhau do anh chị có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ đó làm cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Theo xác nhận của ban quản lý ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì địa phương không nắm rõ mâu thuẩn của anh chị, hiện con chung đang sống với chị T. Mặc khác, từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh N dù nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn cũng như tham gia tố tụng tại Tòa. Đây là anh tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì anh tự gánh chịu. Từ những nhận định trên cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N thật sự đỗ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung tên Võ Minh H sinh ngày 21/5/2012 hiện do chị T nuôi dưỡng từ lúc ly thân. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy cháu H được chị T nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu vẫn phát triển bình thường, anh N không có ý kiến gì về việc chị T nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Do đó để tránh xáo trộm tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Mỹ T được ly hôn với anhVõ Minh N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Trần Mỹ T được quyền nuôi cháu Võ Minh H sinh ngày 21/5/2012. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Mỹ T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06867 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh N thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 9 năm 2017
Tại: Trụ sở Tòa án nhan dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hài
Ông Trần Thanh Tùng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 350/ 2017 /TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về " Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **TRẦN MỸ TRINH**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: số 154/6 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **VÕ MINH NHỰT**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: số 154/6 ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
(Chị Trinh có mặt, anh Nhựt vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 như sau:
Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Trần Mỹ Trinh.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Mỹ Trinh được ly hôn với anhVõ Minh Nhựt.
2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Trần Mỹ Trinh được quyền nuôi cháu Võ Minh Tâm sinh ngày 21/5/2012. Anh Nhựt không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh Nhựt được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Mỹ Trinh phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06867 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

5. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 9 năm 2017

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN VĂN HÀI- TRẦN THANH TÙNG **TRẦN TÚ ANH**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.